TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2021
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý Vũ

2. Ông Lê Văn Cư

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà:* Bà Phan Quỳnh Như – Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim H – Sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T – Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị Kim H tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên vào ngày 24/5/2002. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2012 thì anh T thường xuyên nhậu nhẹc say xỉn và đánh đập chị, đập phá đồ đạc trong

gia đình. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc S – Sinh năm 1997 và Nguyễn Trần Ngọc Yến N – Sinh ngày 15/8/2003. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Ngọc T để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nH anh T không có mặt. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ để anh T tham gia phiên tòa nH anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim H.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc S – Sinh năm 1997 và Nguyễn Trần Ngọc Yến N – Sinh ngày 15/8/2003. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị H phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Kim H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn

phiên tòa đối với anh T theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nH anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim H và anh Nguyễn Ngọc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên vào ngày 24/5/2002 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã xác minh tại địa phương nơi anh T sinh sống, ông Võ Nguyễn Lý Bằng – Phó trưởng Công an xã Đ cung cấp thì anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã Đ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Về tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H: Cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đánh nhau, chị H thường xuyên báo cáo sự việc lên Công an xã Đ để can thiệp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để chị H và anh T cùng nhau đến Tòa để hòa giải và đoàn tụ nH anh T không đến Tòa, thể hiện việc anh T không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị H và anh T có Nều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên HĐXX thống nhất cho chị H được ly hôn với anh T.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc S – Sinh năm 1997 và Nguyễn Trần Ngọc Yến N – Sinh ngày 15/8/2003. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim H.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

[2]. Về án phí HNGĐ-ST: Chị Trần Thị Kim H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) án phí HNGĐ-ST nH được trừ vào số tiền chị H đã nộp

tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2019/0006828 ngày 02/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[3]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kim H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐX;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện ĐX;
- TAND tỉnh PY;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Long

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý Vũ **Lê Văn Cư** **Nguyễn Văn Long**